*Bản dịch không chính thức*

**HIỆP ĐỊNH**

**VỀ QUY TẮC XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ HÀNG HÓA TỪ CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN VÀ KÉM PHÁT TRIỂN**

**(Mát-xcơ-va ngày 12 tháng 12 năm 2008)**

Chính phủ Cộng hòa Belarus, Chính phủ Cộng hòa Kazakhstan và Chính phủ Liên bang Nga, dưới đây gọi là các Bên,

để thực hiện Điều 1 của Hiệp định về những nguyên tắc chung xác định nước xuất xứ hàng hóa ký ngày 25 tháng 1 năm 2008,

mong muốn tạo ra những điều kiện thuận lợi để phát triển thương mại trên cơ sở cùng có lợi và luật pháp quốc tế,

tiến tới việc củng cố hệ thống thương mại đa phương,

đã thống nhất những nội dung sau đây:

**Điều 1**

Trên lãnh thổ hải quan thống nhất của các quốc gia của các Bên, áp dụng Quy tắc xác định nước xuất xứ hàng hóa từ các nước đang phát triển và kém phát triển đối với hàng hóa có xuất xứ từ các nước đang phát triển và kém phát triển được đính kèm tại phụ lục và là một bộ phận không tách rời của Hiệp định này.

**Điều 2**

Những tranh chấp liên quan đến việc áp dụng hoặc giải thích các điều khoản của Hiệp định này sẽ được giải quyết thông quan tham vấn và đàm phán giữa các Bên, trong trường hợp không đạt được thỏa thuận thì các Bên liên quan sẽ chuyển những tranh chấp này lên Tòa án cộng đồng kinh tế Á-Âu.

**Điều 3**

Theo thỏa thuận của các Bên, Hiệp định này có thể được sửa đổi và những sửa đổi này sẽ được thể hiện bằng Nghị định thư của các Bên.

**Điều 4**

Thủ tục để đưa Hiệp định này vào hiệu lực, thủ tục xin gia nhập, cũng như rút khỏi Hiệp định, được xác định trong Nghị định thư ngày 6 tháng 10 năm 2007 về thủ tục đưa vào hiệu lực, việc rút khỏi và gia nhập các Hiệp định quốc tế nhằm hình thành cơ sở điều ước - pháp luật của Liên minh hải quan.

Làm tại Matxcơva ngày 12 tháng 12 năm 2008 bằng một bản chính bằng tiếng Nga.

Bản chính của Hiệp định này được lưu giữ tại Ủy ban Hội nhập thuộc Cộng đồng Kinh tế Á - Âu, là cơ quan quản lý và có trách nhiệm sao gửi Hiệp định này cho từng Bên.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TM Chính phủ Cộng hòa Belarus**  (đã ký) | **TM Chính phủ Cộng hòa Kazakhstan**  (đã ký) | **TM Chính phủ LB Nga**  (đã ký) |

Phụ lục kèm theo Hiệp định

về quy tắc xác định xuất xứ hàng hóa

từ các nước đang phát triển và kém phát triển

**QUY TẮC**

**XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ HÀNG HÓA TỪ CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN VÀ KÉM PHÁT TRIỂN**

Quy tắc này được áp dụng đối với hàng hóa có nguồn gốc từ các nước đang phát triển và kém phát triển.

Danh sách các nước đang phát triển và kém phát triển được quy định tại một Hiệp định riêng giữa các Bên.

**I. Xuất xứ hàng hóa từ các nước đang phát triển và kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan**

Trong các trường hợp sau thì hàng hóa được coi là có xuất xứ từ các nước đang phát triển và kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan:

1) khi hàng hóa được sản xuất hoàn toàn ở nước đó;

2) khi hàng hóa được sản xuất tại nước này có sử dụng nguyên liệu thô, bán thành phẩm hoặc thành phẩm có nguồn gốc từ nước khác, hoặc hàng hóa không rõ nguồn gốc với điều kiện là những hàng hóa đó được khẳng định đã được chế biến hoặc gia công sâu ở nước này.

**II. Hàng hóa được coi là được sản xuất hoàn toàn tại các nước đang phát triển và kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan**

Những hàng hóa sau đây được coi là được sản xuất hoàn toàn ở các nước đang phát triển và kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan:

1) khoáng sản được khai thác trong lòng đất, trên lãnh hải hoặc dưới đáy biển của nước này;

2) các sản phẩm có nguồn gốc thực vật, được trồng hoặc thu hoạch tại nước này;

3) động vật sống, được sinh ra và chăn nuôi tại nước này;

4) sản phẩm thu được từ động vật được chăn nuôi tại nước này;

5) sản phẩm thu được từ kết quả săn bắn và đánh bắt cá tại nước này;

6) sản phẩm nghề cá biển và các sản phẩm khác của nghề cá biển thu được từ tàu biển của nước này;

7) sản phẩm thu được từ mạn tàu chế biến của nước này, làm từ những sản phẩm ghi ở điểm 6 của phần này.

8) sản phẩm thu được từ đáy biển của nước này, hoặc trong lòng đất của đáy biển phía ngoài lãnh hải (nước) của nước này, với điều kiện nước này có những đặc quyền trong việc khai thác các nguồn lợi dưới đáy biển đó hoặc trong các lòng đất của đáy biển đó;

9) chất thải và phế liệu (thứ liệu) thu được từ quá trình sản xuất hoặc từ các hoạt động chế biến khác tại nước này, cũng như các sản phẩm đã qua sử dụng thu được chỉ phù hợp cho việc chế biến thành nguyên liệu;

10) sản phẩm công nghệ cao thu được trong vũ trụ trên các công trình vũ trụ, nếu như nước này là thành viên đã đăng ký đối với công trình vũ trụ đó;

11) hàng hóa được sản xuất tại nước này, toàn bộ từ những hàng hóa được qui định từ mục 1-10 của phần này.

**III. Hàng hóa được cho là được gia công hoặc chế biến sâu ở các nước đang phát triển và kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan**

1. Hàng hóa được tính là được gia công hoặc chế biến toàn bộ ở các nước đang phát triển và kém phát triển mà được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan nếu:

1) hàng hóa đó được gia công hoặc chế biến ở nước đang phát triển và kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan, và giá trị của hàng hóa (nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm) được sử dụng trong quá trình gia công và chế biến có xuất xứ từ những nước không được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan, hoặc giá trị của hàng hóa không rõ nguồn gốc không vượt quá 50% giá trị của hàng hóa được các nước đang phát triển và kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan xuất khẩu;

2) hàng hóa được gia công hoặc chế biến ở một số nước đang phát triển và kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan và giá trị của hàng hóa được sử dụng trong quá trình sản xuất, chế biến có xuất xứ từ những nước không được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan hoặc trị giá của hàng hóa không rõ nguồn gốc đó không vượt quá 50% giá trị của hàng hóa được một trong số các nước phát triển và kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan xuất khẩu;

3) hàng hóa được sản xuất ở một trong số các nước đang phát triển và kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan và được gia công, chế biến ở một nước khác, ở một nước hoặc một số nước mà được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan;

2. Giá trị của hàng hóa có xuất xứ từ một nước không được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan được ghi ở điểm 1) và 2) mục 1 phần III được xác định trên cơ sở giá trị hải quan của hàng hóa đó đã được quy định tại nước sản xuất hàng xuất khẩu.

Giá trị của hàng hóa không rõ xuất xứ, được ghi ở điểm 1) và 2) mục 1 phần III được chấp nhận ở mức giá thanh toán cho hàng hóa đó trên lãnh thổ của nước đang phát triển và kém phát triển sản xuất hàng xuất khẩu;

Hàng hóa (nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm) được xuất khẩu từ lãnh thổ hải quan thống nhất của các quốc gia của các Bên sang nước được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan và được sử dụng ở đó để sản xuất hàng xuất khẩu sang lãnh thổ hải quan thống nhất của các quốc gia của các Bên sẽ được xem như hàng được sản xuất tại các nước đang phát triển và kém phát triển - nước xuất khẩu hàng hóa được đề cập;

Giá trị hàng hóa được các nước đang phát triển và kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan xuất khẩu được xác định trên cơ sở giá giao tại chân nhà máy (Franko - nhà máy - FW) của nhà sản xuất hàng hóa theo các qui tắc quốc tế giải thích các thuật ngữ thương mại Incoterm được các quốc gia của các Bên áp dụng cho các mục đích hải quan.

**IV. Những hoạt động không gây ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể đến đặc điểm cơ bản hoặc thuộc tính của hàng hóa**

Không đáp ứng được tiêu chí chế biến sâu:

1) những hoạt động nhằm đảm bảo tính nguyên vẹn của hàng hóa trong quá trình bảo quản và vận chuyển hàng hóa;

2) những hoạt động liên quan đến khâu chuẩn bị hàng hóa để bán và vận chuyển (chia lô, làm thủ tục xuất hàng, phân loại, tái đóng gói) cũng như công việc liên quan đến tháo dỡ và đóng gói bao bì;

3) các hoạt động lắp ráp đơn giản và hay tháo dỡ hàng hóa, cũng như việc thực hiện các hoạt động khác mà không ảnh hưởng nghiêm trọng đến trạng thái của hàng hóa theo danh mục do Ủy ban của liên minh hải quan xác định và được thông qua phù hợp với Hiệp định về Ủy ban của liên minh hải quan ký ngày 6 tháng 10 năm 2007;

4) việc pha trộn hàng hóa (các hợp phần) mà không dẫn đến một sự khác biệt đáng kể đối với sản phẩm nhận được từ các cấu thành ban đầu;

5) giết mổ động vật và pha thịt (phân loại);

6) rửa, làm sạch, loại bỏ bụi bẩn, phủ oxit, dầu hay các chất khác;

7) là hay ép sản phẩm dệt (bất kỳ loại sợi và tơ, nguyên liệu vải từ bất kỳ loại sợi và tơ và những sản phẩm từ sợi và tơ);

8) công việc nhuộm hoặc đánh bóng;

9) xay xát, tẩy trắng một phần hoặc toàn phần, mài nhẵn và đánh bóng ngũ cốc và gạo;

10) công việc tạo màu sắc cho đường hoặc tạo ra đường cục;

11) công việc bóc vỏ, tách hạt, phân chia rau, quả và hạt;

12) gọt, xay hoặc cắt thô;

13) công việc giần sàng, phân loại, lựa chọn (trong đó có cả việc sắp xếp, lựa chọn sản phẩm);

14) công việc sang chiết, đóng chai, lọ, bao tải, thùng gỗ, hộp catoon và các hình thức đóng gói đơn giản khác;

15) công việc phân tách hàng hóa theo các hợp phần mà không dẫn đến sự khác biệt đáng kể đối với các hợp phần thu được từ hàng hóa ban đầu;

16) sự phối hợp từ hai hoặc nhiều các hoạt động đã nêu ở trên.

**V. Một số trường hợp đặc biệt về xuất xứ hàng hóa**

Phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ dùng để sử dụng cùng với trang, thiết bị, máy móc hoặc các phương tiện giao thông được cho là có xuất xứ từ cùng một nước đang phát triển hoặc kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan như các trang thiết bị, máy móc hoặc các phương tiện vận tải, nếu như các loại phụ tùng, phụ kiện, dụng cụ cơ khí đó được nhập khẩu vào và sử dụng đồng bộ cùng với các trang thiết bị, máy móc và phương tiện vận tải trên, với số lượng nhập khẩu phù hợp với các tài liệu kỹ thuật kèm theo.

Bao bì của hàng nhập khẩu được coi là có cùng xuất xứ với hàng hóa từ cùng một nước đang phát triển hoặc kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan, ngoại trừ trường hợp khi bao bì đó thuộc Danh mục hàng hóa thống nhất của hoạt động kinh tế đối ngoại thuộc diện phải khai báo riêng với hàng hóa. Trong trường hợp này thì nước xuất xứ của bao bì được xác định riêng với nước xuất xứ hàng hóa.

Nếu như bao bì của hàng nhập khẩu được cho là có cùng xuất xứ với hàng hóa từ các nước đang phát triển hoặc kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan, để xác định nước xuất xứ hàng hóa thì chỉ tính đến bao bì của hàng hóa được tiêu thụ ở nơi bán lẻ.

Khi xác định nước xuất xứ của hàng hóa ở dạng chưa được lắp ráp hoặc tháo rời, hoặc được nhập về dưới dạng một vài lô hàng vì không thể giao hàng nguyên lô do điều kiện sản xuất hoặc vận tải, cũng như lô hàng bị chia thành nhiều lô do mắc sai sót thì sẽ được xem xét theo mong muốn của người khai báo như một sản phẩm thống nhất.

Quy tắc này được áp dụng đồng thời với việc thực hiện những điều kiện sau:

Thông báo sơ bộ của cơ quan hải quan của nước nhập khẩu về hàng hóa ở dạng chưa được lắp ráp hoặc tháo rời, được giao thành một vài lô, hoặc hàng hóa được phân ra thành một số lô có nêu rõ lý do của việc phân lô, có phụ lục thuyết minh chi tiết kèm theo mỗi lô hàng và ghi mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa thống nhất của hoạt động kinh tế đối ngoại, giá trị và nước xuất xứ của hàng hóa có trong mỗi lô hàng hoặc là văn bản xác nhận có sai sót trong việc phân lô hàng hóa;

Toàn bộ các lô hàng được giao từ một nhà cung cấp của một nước đang phát triển hoặc kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan;

Toàn bộ lô hàng được khai báo tại một cơ quan hải quan;

Toàn bộ lô hàng được giao thuộc một hợp đồng;

Toàn bộ các lô hàng được giao trong thời hạn không quá một năm kể từ khi tờ khai hải quan được chấp nhận hoặc là trước thời hạn nộp tờ khai cho lô hàng đầu tiên. Theo đề nghị của người khai, trong trường hợp không thể giao toàn bộ các lô hàng vì lý do không liên quan đến người nhận thì thời hạn này có thể được cơ quan hải quan kéo dài cho đến khi giao hết toàn bộ các lô hàng nhưng không quá một năm.

Khi xác định nước xuất xứ của hàng hóa thì xuất xứ của nhiệt năng và điện năng, máy móc, thiết bị và công cụ được sử dụng trong quá trình sản xuất hoặc chế biến hàng hóa sẽ không được tính đến.

**VI. Các qui định về giao hàng trực tiếp và thu mua trực tiếp**

Ưu đãi thuế quan đối với hàng hàng có xuất xứ từ các nước đang phát triển và kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan chỉ được trao trong điều kiện hàng hóa đó được trực tiếp mua ở các nước đó và hàng hóa đó được xuất khẩu trực tiếp sang lãnh thổ hải quan thống nhất của các quốc gia của các Bên.

Hàng hóa được xem là thu mua trực tiếp nếu như hàng hóa đó được nhà nhập khẩu mua từ một đơn vị có đăng ký hợp pháp dưới dạng một chủ thể hoạt động kinh doanh ở nước đang phát triển hay kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan và là nơi hàng hóa đó có xuất xứ.

Hàng hóa giao trực tiếp là hàng được vận chuyển từ một nước đang phát triển hoặc kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan sang lãnh thổ hải quan thống nhất của các quốc gia của các Bên, không vận chuyển qua lãnh thổ của quốc gia khác.

Hàng hóa đáp ứng Qui định là hàng giao trực tiếp còn là những hàng hóa phải vận chuyển qua lãnh thổ của một hay một vài nước vì lý do về địa lý, giao thông, kinh tế và kỹ thuật, với điều kiện là hàng hóa đó ở nước trung chuyển, cả trong trường hợp hàng hóa đó được bảo quản có thời hạn trên lãnh thổ các nước này và chịu sự giám sát của hải quan.

Ngoài ra, hàng hóa đáp ứng quy định về nhập khẩu trực tiếp là hàng hóa được nhà nhập khẩu mua trong các hội chợ, triển lãm nếu đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1) hàng hóa được giao từ lãnh thổ của các nước đang phát triển hay nước kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan sang lãnh thổ nước tổ chức hội chợ, triển lãm và và chịu sự giám sát hải quan trong thời gian diễn ra hội chợ, triển lãm;

2) hàng hóa từ khi được đưa vào triển lãm hay hội chợ không được sử dụng vào bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc để trưng bày;

3) hàng hóa được đưa vào lãnh thổ hải quan của các quốc gia của các Bên có hiện trạng đúng như khi chúng được đưa đến hội chợ hay triển lãm, không kể trường hợp chúng bị thay đổi trạng thái do hao mòn tự nhiên hay bị tổn thất trong những điều kiện vận chuyển và bảo quản bình thường.

**VII. Giấy chứng thư**

Để chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ các nước đang phát triển hay kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan, người vận chuyển hàng sẽ phải xuất trình tờ khai – chứng nhận xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là giấy chứng nhận) theo mẫu A (phụ lục 1), được quy định trong khuôn khổ hệ thống ưu đãi chung và được kê khai phù hợp với các Quy định về làm tờ khai – chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo mẫu A (phụ lục 2).

Thời hạn áp dụng chứng nhận để được hưởng ưu đãi thuế quan được giới hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày nộp.

Giấy chứng nhận xuất xứ do cơ quan hải quan cấp trên giấy được in sẵn bằng tiếng Nga hoặc tiếng Anh

Trường hợp cần thiết, cơ quan hải quan có thể yêu cầu dịch giấy chứng nhận sang ngôn ngữ quốc gia.

Số lượng giao hàng thực tế không được vượt quá 5% số lượng đã ghi trong chứng nhận.

Trường hợp bị mất chứng nhận thì bản sao đã được công chứng của giấy đó được chấp nhận.

Để chứng nhận xuất xứ đối với những lô hàng không lớn (có giá trị hải quan không vượt quá 5000 USD) thì không cần phải có giấy chứng nhận xuất xứ. Trong trường hợp này, nhà xuất khẩu có thể khai báo nước xuất xứ hàng hóa trong các chứng từ thương mại hoặc trong các chứng từ khác của hàng hóa.

Trong trường hợp xuất hiện những nghi ngờ có cơ sở về tính trung thực của thông tin khai báo về xuất xứ hàng hóa, cơ quan hải quan có quyền yêu cầu xuất trình giấy chứng nhận về xuất xứ hàng hóa.

**VIII. Hợp tác hành chính**

Ủy ban của liên minh hải quan tiếp nhận tên gọi, địa chỉ, mẫu in con dấu của các cơ quan có thẩm quyền được ủy quyền xác nhận giấy chứng nhận từ các nước đang phát triển và kém phát triển được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan. Ưu đãi thuế quan không áp dụng với hàng hóa có xuất xứ từ nước đang phát triển và kém phát triển không cung cấp thông tin trên.

Nếu thấy xuất hiện những nghi ngờ có căn cứ về tính trung thực của giấy chứng nhận hay những thông tin trong đó, cũng như thông tin về xuất xứ hàng hóa thì các cơ quan hải quan hoặc các cơ quan có thẩm quyền của các Bên có thể liên hệ với các cơ quan quốc gia có thẩm quyền của nước đang phát triển hoặc kém phát triển đã chứng nhận giấy xuất xứ hàng hóa để yêu cầu cung cấp bổ sung hoặc chuẩn xác lại thông tin.

Giấy chứng nhận có thể được cho là không có hiệu lực khi:

Trong vòng 6 tháng không nhận được trả lời từ các cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu hoặc nước xuất xứ của hàng hóa đối về yêu cầu kiểm tra giấy chứng nhận xuất xứ;

Có thông tin xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu là giấy chứng nhận đó không được cấp (giấy chứng nhận được làm giả) hoặc được cấp nhưng dựa trên văn bản không có hiệu lực và hoặc là dữ liệu không chuẩn;

Theo kết quả điều tra do các cơ quan hải quan của nước nhập khẩu thực hiện và, hoặc dựa trên cơ sở thông tin nhận được theo đề nghị gửi đến các cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu hoặc của nước xuất xứ hàng hóa, đã phát hiện ra rằng giấy chứng nhận đã được cấp sai với quy định của Quy tắc này.

Hàng hóa từ nước đang phát triển hoặc kém phát triển không được coi là có xuất xứ từ một nước được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan cho đến khi chưa xuất trình được giấy chứng nhận hợp lệ về xuất xứ của hàng hóa hoặc thông tin yêu cầu.

Đối với hàng hóa này, ưu đãi thuế chỉ được áp dụng này có được chỉ sau khi nhận được văn bản trả lời thỏa đáng của các cơ quan quốc gia có thẩm quyền của nước được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan.

Phụ lục 1

kèm theo Qui tắc xác định xuất xứ hàng hóa từ

các nước đang phát triển và kém phát triển

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.Nhà xuất khẩu  (Tên nhà xuất khẩu, địa chỉ nước) | | | | N  HỆ THỐNG ƯU ĐÃI CHUNG  CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA  (Tờ khai – chứng nhận)  Mẫu A  Cấp tại…………………………  (nước)  Xem giải thích ở mặt sau | | |
| 2. Nhà nhập khẩu  (Tên nhà nhập khẩu, địa chỉ nước) | | | |
| 3. Phương tiện vận tải và hành trình  (những chặng đã rõ) | | | | 4. Ghi chú của cơ quan có thẩm quyền | | |
| 5. N п/п | 6. Ký hiệu và số lượng đóng gói | 7.Số hiệu và loại bao bì, mô tả hàng hóa | 8. Tiêu chí xuất xứ (xem giải thích ở mặt sau) | | 9. Trọng lượng các bì hoặc số khác về số lượng hàng hóa | 10. Số và ngày tính toán |
| 11. Xác nhận  Xác nhận rằng tờ khai phù hợp với thực tế  …………………………………………….  Địa điểm và ngày tháng, chữ ký và dấu | | | | 12. Phần khai của nhà xuất khẩu  Người có chữ ký dưới đây tuyên bố rằng những thông tin khai trên đây là phù hợp với thực tế và tất cả hàng hóa hoàn toàn được sản xuất tại  …………………………………………………..  (tên nước)  và hàng hóa này đáp ứng các yêu cầu của Hệ thống ưu đãi chung đối với loại hàng hóa này để xuất khẩu vào  ………………………………………………….  (tên nước nhập khẩu)  ……………………………………………………  Địa điểm và ngày tháng, chữ ký | | |

Phụ lục 2

kèm theo Qui tắc xác định xuất xứ hàng hóa từ

các nước đang phát triển và kém phát triển

**YÊU CẦU KÊ KHAI TỜ KHAI CHỨNG NHẬN VỀ**

**XUẤT XỨ HÀNG HÓA THEO MẪU “A”**

**Quy định chung**

Mẫu tờ khai chứng nhận về xuất xứ hàng hóa theo mẫu “A” (dưới đây gọi là giấy chứng nhận) được in tipo trên giấy có lưới bảo vệ hoặc có một lớp hoa bảo vệ (có mẫu chứng nhận xuất xứ bằng tiếng Anh và tiếng Nga kèm theo).

Những ghi chú về yêu cầu kê khai giấy chứng nhận xuất xứ có thể được in bằng phương pháp tipo ở mặt sau của tờ khai mẫu, bằng ngôn ngữ được dùng để khai tờ khai và cũng có thể bằng bất cứ ngôn ngữ nào, cũng có thể ghi đầy đủ hoặc không đầy đủ.

Giấy chứng nhận xuất xứ cần được khai bằng phương pháp in máy (ngoại trừ những ký hiệu riêng dưới đây).

Trong giấy chứng nhận xuất xứ không cho phép sử dụng chữ ký fax và có bất kỳ vết tẩy xóa hay gạch xóa nào. Các lỗi trên tờ khai cần được sửa bằng cách gạch dữ liệu sai và in những thông tin cần thiết. Mỗi chỗ sửa đều được chứng thực bằng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận xuất xứ.

Trong một giấy chứng nhận xuất xứ có thể kê khai cho một vài hàng hóa.

Trên giấy chứng nhận xuất xứ, theo trình tự quy định, cần đánh số (đăng ký) tham chiếu, cũng như điền đủ các ô 1, 5 (trong trường hợp có vài loại hàng hóa khai trong giấy chứng nhận xuất xứ), 7 - 9, 11 và 12.

Những chỗ không điền trong các ô từ 5 - 10 cần được gạch chéo để không cho phép điền thêm bất cứ thông tin nào.

**Ô nằm ở góc phải phía trên của giấy chứng nhận xuất xứ**

Ghi số (đăng ký) tham chiếu của giấy chứng nhận xuất xứ. Cho phép viết bằng tay đối với số (đăng ký) tham chiếu của giấy chứng nhận xuất xứ. Ghi tên nước, nơi cấp giấy chứng nhận xuất xứ.

**Ô số 1**

Ghi tên và địa chỉ người xuất khẩu (nhà cung cấp) hàng hóa (người bán hàng theo hợp đồng hoặc người khác nếu được ủy quyền gửi hàng, trong đó có người sản xuất hàng hóa).

**Ô số 2**

Ghi tên và địa chỉ người nhận hàng. Trong trường hợp chưa xác định được người nhận hàng tại thời điểm cấp giấy chứng nhận xuất xứ thì trong khung này ghi "to order" hoặc tên nước nhập khẩu hàng hóa bằng ngôn ngữ khai giấy chứng nhận xuất xứ.

Đồng thời được phép in tên và địa chỉ của người nhận hàng cụ thể sau khi ghi chữ "to order" hoặc tên nước nhập khẩu, bằng ngôn ngữ khai giấy chứng nhận xuất xứ

**Ô số 3**

Ghi thông tin về hành trình gửi hàng và phương tiện vận tải (nếu đã rõ).

**Ô số 4**

Dành cho việc ghi chú của cơ quan thẩm quyền.

Trong trường hợp cấp bản sao để thay cho giấy chứng nhận xuất xứ bị hỏng hoặc bị mất, tại ô số 4, cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ hàng hóa sẽ ghi "duplicate". Khi đó, thời hạn hiệu lực của C/O bản sao sẽ được tính từ ngày cấp giấy chứng nhận xuất xứ bản gốc.

Trong trường hợp giấy chứng nhận xuất xứ được cấp sau khi gửi hàng thì tại ô này phải ghi "issued retrospectively" (cấp sau).

Trường hợp vì những lý do nào đó mà cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ hàng hóa hủy bỏ hiệu lực của giấy chứng nhận xuất xứ đã cấp thì tại ô số 4 của giấy chứng nhận xuất xứ được cấp mới phải ghi "issued instead"(cấp thay thế) có ghi số và ngày cấp của giấy chứng nhận xuất xứ đã bị vô hiệu hóa.

Có thể cho phép không phải điền vào ô này.

**Ô số 5**

Trường hợp trong giấy chứng nhận xuất xứ có khai thông tin của một vài loại hàng hóa thì trước mỗi tên hàng phải ghi số thứ tự trong giấy chứng nhận xuất xứ. Có thể cho phép không phải điền vào ô này.

**Ô số 6**

Ghi thông tin về số kiện hàng và nhãn bao bì. Nếu trong giấy chứng nhận xuất xứ có ghi thông tin về một vài loại hàng hóa thì giữa những dữ liệu này không được để gián đoạn hoặc những chỗ gián đoạn này phải được gạch chéo. Cho phép ghi "no marks" (không ký mã hiệu).

Có thể cho phép không phải điền vào ô này.

**Ô số 7**

Ghi tên thương mại của hàng hóa, model, các số ký mã hiệu của hàng hóa và các thông tin khác cho phép xác định rõ hàng hóa cho mục đích kê khai hải quan, cũng như việc đóng gói, dạng đóng gói và số kiện hàng.

Nếu trong ô đó không đủ chỗ để mô tả hàng hóa thì có thể sử dụng giấy bổ sung, bằng chính mẫu của giấy chứng nhận xuất xứ chính, có chứng thực bằng chữ ký và dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận xuất xứ và có cùng số đăng ký như tại giấy chứng nhận xuất xứ gốc.

Trong trường hợp ô này có tham chiếu thuyết minh của hợp động thì bản sao cuối cùng của hợp đồng này phải có dấu của cơ quan quốc gia có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận xuất xứ.

Nếu trong giấy chứng nhận xuất xứ có ghi thông tin về một vài loại hàng hóa thì việc mô tả hàng hóa phải được ghi liên tục không dán đoạn hoặc những chỗ dán đoạn đó phải được gạch chéo.

**Ô số 8**

Ghi tiêu chí xuất xứ hàng hóa:

"P" – hàng hóa được hoàn toàn sản xuất tại nước xuất khẩu;

"Y" (ghi tỷ lệ phần trăm của trị giá nguyên vật liệu, bán thành phẩm hoặc thành phẩm, có xuất xứ từ một nước khác hoặc không rõ nguồn gốc xuất xứ, được sử dụng để sản xuất hàng hóa, trong trị giá của hàng hóa xuất khẩu được xác đinh trên cơ sở giá giao tại chân nhà máy của nhà sản xuất (FW) chẳng hạn là "Y 15%") – hàng hóa qua gia công hay chế biến;

"Pk" – hàng hóa được sản xuất tại một trong số các nước được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan của một quốc gia của các Bên và được gia công hay chế biến tại những nước đó (một hay một số nước).

Tiêu chí xuất xứ hàng hóa cần được qui ước đối với mỗi loại hàng hóa kê khai tại ô số 7 của giấy chứng nhận xuất xứ.

Nếu trong giấy chứng nhận xuất xứ đã kê khai các hàng hóa khác nhau mà một số hàng hóa có trong danh mục hàng hóa 4 chữ số của Hệ thống mô tả hài hòa thuế quan và mã số hàng hóa thì trong ô số 8 cho phép ghi một ký hiệu chữ cái của tiêu chí xuất xứ đối với tất cả hàng hóa cùng dòng mã 4 chữ số đó.

**Ô số 9**

Ghi trọng lượng hàng hóa (trọng lượng cả bì - brutto) hoặc các thông tin khác về số lượng hàng hóa. Nếu trong giấy chứng nhận xuất xứ có kê khai nhiều loai hàng hóa thì số liệu về trọng lượng brutto hoặc những số liệu khác về hàng hóa được ghi riêng cho từng tên gọi hàng hóa.

**Ô số 10**

Đánh số và ghi ngày tháng của hóa đơn ( invoice) hoặc proforma invoice. Trong ô này có thể ghi một invoice chung hoặc proforma invoice cho tất cả hàng hóa đã kê khai trong giấy chứng nhận xuất xứ và nếu cần thì có thể ghi nhiều invoice hoặc proforma invoice cho một vài loại hàng hóa khác nhau.

Nếu vào thời điểm cấp giấy chứng nhận xuất xứ mà chưa rõ thông tin về invoice hoặc proforma invoice thì cho phép người nhận hàng được ghi tại ô số 1 bỏ trống ô số 10.

**Ô số 11**

Ô này chứa các thông tin về ngày tháng và nơi cấp giấy chứng nhận xuất xứ, tên và con dấu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo luật định chứng nhận xuất xứ hàng hóa, cũng như chữ ký của người có trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền xác nhận tính hợp lệ của giấy chứng nhận.

Đóng dấu cần phải rõ nét để trong trường hợp cần thiết có thể thực hiện xác minh tính chân thật của nó.

**Ô số 12**

Ở dòng trên ghi tên nước xuất xứ hàng hóa.

Dòng giữa ghi tên nước mà nơi hàng đến.

Dòng dưới ghi địa điểm và ngày tháng khai chứng nhận xuất xứ. Thông tin khai trong giấy chứng nhận xuất xứ được ký bởi đại diện có thẩm quyền của nhà xuất khẩu (nhà cung cấp) ghi tại ô số 1. Không nhất thiết phải đóng dấu của nhà xuất khẩu (nhà cung cấp) tại cột này.